

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 38/2024/HNGĐ-PT

Ngày: 28 - 11 - 2024

V/v Tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Cẩm Đào

Các Thẩm phán: Bà Hoàng Thị Hải Hà

Ông Dương Hùng Quang

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thuý An, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Bùi Trung Biển - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 37/2024/TLPT-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp xin ly hôn”.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 169/2024/HNGĐ-ST ngày 05 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2024/QĐ-PT ngày 23 tháng 10 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đặng Ngọc Q, sinh năm 1992.

Địa chỉ cư trú: Ấp 6, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, Luật sư của Văn phòng Luật sư Q thuộc Đoàn luật sư tỉnh Cà Mau (có mặt).

- Bị đơn: Anh Lưu Hoàng K, sinh năm 1990.

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Út L, sinh năm 1962; Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2. Ông Lưu Văn P, sinh năm 1957; Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

3. Chị Lưu Thị T, sinh năm 1984; Địa chỉ cư trú: Ấp Thuận Lợi, xã Tân Đức, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

4. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (vắng mặt).

Hội sở: Số 2 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

- *Người kháng cáo*: Chị Đặng Ngọc Q, là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Đặng Ngọc Q trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh K chung sống vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trần Hợi, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau; hôn nhân tự nguyện. Trong quá trình chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn do anh K không tin tưởng chị dẫn đến cự cãi, anh chị đã ly thân cách đây gần một năm. Chị xác định không còn tình cảm với anh K và yêu cầu Tòa án cho ly hôn anh K.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung:

- Tiền gửi tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh huyện Đ 150.000.000đ.

- Tiền hụi 80.000.000đ, cụ thể như sau:

+ Dây hụi 1.000.000đ mở ngày 26/4/2022 âm lịch, tháng khui một lần gồm 30 chung do bà Lớn làm chủ hụi, vợ chồng tham gia 02 chung, đã đóng được 19 lần với số tiền 38.000.000đ.

+ Dây hụi 1.000.000đ mở ngày 10/11/2022 âm lịch, tháng khui một lần gồm 25 chung do bà Lớn làm chủ hụi, vợ chồng tham gia 01 chung đã hốt, còn nợ lại 13 lần với số tiền 13.000.000đ.

+ Dây hụi 1.000.000đ mở ngày 18/01/2022 âm lịch, tháng khui một lần gồm 33 chung do bà Lớn làm chủ hụi, vợ chồng tham gia 02 chung với tên “9 Phúc” (Lưu Văn Phúc), đã đóng được 21 lần với số tiền 42.000.000đ.

+ Dây hụi 500.000đ mở ngày 28/9/2022 âm lịch, tháng khui một lần, gồm 39 chung do chị Q làm chủ hụi, vợ chồng tham gia 02 chung, đã đóng được 13 lần với số tiền 13.000.000đ.

- 05 chỉ vàng 24k ông Phúc, bà Lớn mượn để cải tạo vương tôn.

- 200.000.000đ anh K đang quản lý.

- 01 tủ lạnh, 01 ti vi, 01 máy giặt, 01 quạt nước, 01 tủ quần áo, 01 máy Mitsubishi và một xe máy.

Ngoài ra, anh K cho rằng chị đang quản lý 29 chỉ vàng 18k là không có.

Chị yêu cầu chia đôi các tài sản chung, buộc ông Phúc, bà Lớn trả 05 chỉ vàng 24k để vợ chồng phân chia.

Anh Luru Hoàng K trình bày:

Về hôn nhân: Anh thống nhất lời trình bày của chị Q về thời gian chung sống và địa điểm đăng ký kết hôn, hôn nhân tự nguyện. Trong quá trình chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn do anh không còn tin tưởng chị, anh chị đã ly thân cách đây bốn tháng. Anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Q.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung:

- Tiền gửi tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh huyện Đ 150.000.000đ.

- Tiền hụi 38.000.000đ, cụ thể như sau:

+ Dây hụi 1.000.000đ mở ngày 26/4/2022 âm lịch, tháng khui một lần gồm 30 chung do bà Lớn làm chủ hụi, vợ chồng tham gia 02 chung, đã đóng được 19 lần với số tiền 38.000.000đ.

+ Dây hụi 1.000.000đ mở ngày 10/11/2022 âm lịch, tháng khui một lần gồm 25 chung do bà Lớn làm chủ hụi, vợ chồng tham gia 01 chung đã hốt, còn nợ lại 13 lần với số tiền 13.000.000đ.

+ Dây hụi 1.000.000đ mở ngày 18/01/2022 âm lịch, tháng khui một lần gồm 33 chung do bà Lớn làm chủ hụi, vợ chồng không có tham gia.

+ Dây hụi 500.000đ mở ngày 28/9/2022 âm lịch, tháng khui một lần gồm 39 chung do chị Q làm chủ hụi, vợ chồng tham gia 02 chung, đã đóng được 13 lần với số tiền 13.000.000đ.

- 05 chỉ vàng 24k vợ chồng cho cha mẹ anh để cải tạo vương tôn.

- 29 chỉ vàng 18k chị Q đang quản lý.

Ngoài ra, chị Q cho rằng anh đang quản lý 200.000.000đ là không có.

Về nợ: Vợ chồng có nợ chị Luru Thị T 20.000.000 đồng. Anh yêu cầu chị Q cùng có trách nhiệm trả số nợ này cho chị T.

* *Chị Luru Thị T trình bày:* Khoảng tháng 9/2023 âm lịch, chị Q và anh K có mượn 20.000.000đ, không thỏa thuận lãi suất, thời hạn trả và cũng không làm văn bản. Chị yêu cầu chị Q và anh K cùng trả số tiền 20.000.000đ.

* *Bà Nguyễn Út Lớn và ông Luru Văn Phúc trình bày:* Ông bà không có mượn 05 chỉ vàng 24k của chị Q, anh K. Trước đây, ông bà không có tiền cải tạo vương tôn ở Kiên Giang nên vợ chồng chị Q, anh K đã đồng ý cho ông bà 05 chỉ vàng 24k. Ông bà không đồng ý trả lại 05 chỉ vàng 24k theo như yêu cầu của chị Q. Đối với hai chung hụi 1.000.000đ mở ngày 18/01/2022 âm lịch chị Q cho rằng vợ chồng chị Q là người tham gia là không đúng, ông bà là người tham gia vì theo danh sách đứng tên ông Phúc.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 169/2024/DS-ST ngày 05 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đ quyết định:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Đặng Ngọc Q, cho chị Đặng Ngọc Q được ly hôn anh Lưu Hoàng K.

Về tài sản chung:

- Đình chỉ giải quyết yêu cầu phân chia số tiền 42.000.000đ của dây hui 1.000.000đ mở ngày 18/01/2022 âm lịch, 01 tủ lạnh, 01 ti vi, 01 máy giặt, 01 quạt nước, 01 tủ quần áo, 01 máy Mitsubishi và 01 xe máy của chị Đặng Ngọc Q.

- Chấp nhận yêu cầu của chị Đặng Ngọc Q về việc yêu cầu phân chia số tiền 150.208.800đ gửi tại Ngân hàng, số tiền hui 35.318.738đ và 05 (năm) chỉ vàng 24k (hai mươi bốn kara).

Phân chia cho chị Đặng Ngọc Q, anh Lưu Hoàng K mỗi người được hưởng 92.763.769đ (chín mươi hai triệu bảy trăm sáu mươi ba nghìn bảy trăm sáu mươi chín đồng) và 2 (hai) chỉ 05 (năm) phân vàng 24k (hai mươi bốn kara).

Buộc anh Lưu Hoàng K có trách nhiệm thanh toán cho chị Đặng Ngọc Q 92.763.769đ (chín mươi hai triệu bảy trăm sáu mươi ba nghìn bảy trăm sáu mươi chín đồng).

Buộc ông Lưu Văn Phúc, bà Nguyễn Út Lớn có trách nhiệm trả cho chị Đặng Ngọc Q, anh Lưu Hoàng K mỗi người 2 (hai) chỉ 05 (năm) phân vàng 24k (hai mươi bốn kara).

- Không chấp nhận yêu cầu của chị Đặng Ngọc Q về việc yêu cầu phân chia 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng).

- Không chấp nhận yêu cầu của anh Lưu Hoàng K về việc yêu cầu phân chia 29 (hai mươi chín) chỉ vàng 18k (mười tám kara).

Về nợ: Chấp nhận yêu cầu của chị Lưu Thị T. Buộc chị Đặng Ngọc Q, anh Lưu Hoàng K mỗi người trả cho chị Lưu Thị T 10.000.000đ (mười triệu đồng).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 29/7/2024, chị Đặng Ngọc Q có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc anh K chia đôi tài sản chung là khoản tiền 100.000.000 đồng, chị yêu cầu được nhận 50.000.000 đồng và chị không có nghĩa vụ trả nợ cho chị T.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Chị Đặng Ngọc Q giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Đưa ra các căn cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của chị Q là phù hợp nên đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ kháng cáo của chị Q.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định. Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng cáo của chị Đặng Ngọc Q đối với khoản tiền nợ 20.000.000 đồng, các phần khác giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Đặng Ngọc Q khởi kiện yêu cầu xin ly hôn và chia tài sản chung của vợ chồng, anh Lưu Hoàng K phản tố yêu cầu chia tài sản chung; chị Lưu Thị T có yêu cầu độc lập. Án sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; do đó, nguyên đơn chị Q kháng cáo một phần bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh K chia đôi tài sản chung là khoản tiền 100.000.000 đồng, chị Q yêu cầu được nhận 50.000.000 đồng và không buộc chị Q cùng thanh toán khoản nợ 20.000.000 đồng cho chị T.

[2] Xét kháng cáo của chị Q, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Chị Q xác định chị và anh K có tài sản chung là 200.000.000 đồng do anh K đang quản lý, nhưng do anh K chỉ thừa nhận có giữ 100.000.000 đồng (từ việc hốt hụi 83.000.000 đồng của chị Duy và chị Duy cho thêm 17.000.000 đồng) nên chị yêu cầu anh K chia đôi số tiền trên.

Anh K xác định có việc hốt hụi của chị Duy (là chị ruột của anh K) và chị Duy cho thêm 17.000.000 đồng nên tổng số tiền là 100.000.000 đồng để sử dụng vào việc thụ tinh nhân tạo. Xét thấy, các đương sự thừa nhận có khoản tiền 100.000.000 đồng và có việc thụ tinh nhân tạo, số tiền chi phí cho việc thụ tinh nhân tạo tương đương với số tiền 100.000.000 đồng. Anh K xác định đã sử dụng số tiền trên để chi trả cho việc thụ tinh nhân tạo, chị Q không thừa nhận. Chị Q cho rằng nguồn tiền khi thụ tinh nhân tạo là nguồn tiền từ thu nhập hàng tháng của anh chị nhưng chị Q không chứng minh được nguồn tiền thu nhập của anh chị để chi trả cho việc thụ tinh nhân tạo. Do đó, án sơ thẩm xác định khoản tiền 100.000.000 đồng trên không còn nên không chấp nhận chia tài sản theo yêu cầu của chị Q là có căn cứ.

[2.2] Đối với khoản nợ 20.000.000 đồng, chị Q xác định không có nợ nên không đồng ý trả theo yêu cầu của chị T. Xét thấy, chị T trình bày việc có cho anh K, chị Q mượn tiền nhưng không làm biên nhận. Mặc dù anh K và chị T xác định có việc mượn tiền vào khoảng tháng 9/2023 âm lịch, sau đó khoảng 10 ngày anh K sử dụng số tiền trên để đi điều trị, tuy nhiên chị Q không thừa nhận có cùng anh K mượn tiền của chị T; ngoài lời trình bày ra thì chị T cũng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ để chứng minh có việc cho chị Q và anh K mượn số tiền trên. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, anh K thừa nhận có mượn tiền của chị T nhưng anh K

không có chứng cứ chứng minh đã sử dụng số tiền mượn của chị T để sử dụng chung trong gia đình, do đó, buộc anh K có nghĩa vụ trả nợ cho chị T là phù hợp. Vì vậy, kháng cáo của chị Q về việc không đồng ý trả nợ cho chị T là có căn cứ chấp nhận.

[3] Từ những nhận định trên, chấp nhận một phần kháng cáo của chị Q, sửa một phần bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đ theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: chị Đặng Ngọc Q không phải chịu, có nộp tạm ứng được nhận lại.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, 309 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của chị Đặng Ngọc Q.

Sửa Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 169/2024/HNGĐ-ST ngày 05 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Ngọc Q

1. Về hôn nhân: Chị Đặng Ngọc Q được ly hôn với anh Lưu Hoàng K.

2. Về tài sản chung:

- Đình chỉ giải quyết yêu cầu của chị Đặng Ngọc Q về việc phân chia số tiền 42.000.000đ của dây hụi 1.000.000đ mở ngày 18/01/2022 âm lịch, 01 tủ lạnh, 01 tivi, 01 máy giặt, 01 quạt nước, 01 tủ quần áo, 01 máy Mitsubishi và 01 xe máy.

- Chấp nhận yêu cầu của chị Đặng Ngọc Q về việc yêu cầu phân chia số tiền 150.208.800đ gửi tại Ngân hàng, số tiền hụi 35.318.738đ và 05 (năm) chỉ vàng 24k (hai mươi bốn kara).

Phân chia cho chị Đặng Ngọc Q, anh Lưu Hoàng K mỗi người được hưởng 92.763.769đ (chín mươi hai triệu bảy trăm sáu mươi ba nghìn bảy trăm sáu mươi chín đồng) và 2 (hai) chỉ 05 (năm) phân vàng 24k (hai mươi bốn kara).

Buộc anh Lưu Hoàng K có trách nhiệm giao lại cho chị Đặng Ngọc Q 92.763.769đ (chín mươi hai triệu bảy trăm sáu mươi ba nghìn bảy trăm sáu mươi chín đồng).

Buộc ông Lưu V, bà Nguyễn Út L có trách nhiệm giao trả cho chị Đặng Ngọc Q, anh Lưu Hoàng K mỗi người 2 (hai) chỉ 05 (năm) phân vàng 24k (hai mươi bốn kara).

- Không chấp nhận yêu cầu của chị Đặng Ngọc Q về việc yêu cầu phân chia 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng).

- Không chấp nhận yêu cầu của anh Lưu Hoàng K về việc yêu cầu phân chia 29 (hai mươi chín) chỉ vàng 18k (mười tám kara).

3. Về nợ: Chấp nhận yêu cầu của chị Lưu Thị T. Buộc anh Lưu Hoàng K có nghĩa vụ thanh toán cho chị Lưu Thị T khoản tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

Không chấp nhận yêu cầu của chị Lưu Thị T về việc buộc chị Đặng Ngọc Q cùng có nghĩa vụ thanh toán khoản tiền 20.000.000 đồng

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với các khoản tiền trên, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản lãi chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

4. Về án phí:

- *Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:* Chị Đặng Ngọc Q phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), chị Q đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000783 ngày 28/02/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, được chuyển thu.

- *Án phí phân chia tài sản chung:*

Chị Đặng Ngọc Q phải chịu 5.576.000đ (năm triệu năm trăm bảy mươi sáu nghìn đồng), chị Q đã nộp tạm ứng án phí 6.600.000đ (sáu triệu sáu trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000783 ngày 28/02/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, đối trừ chị Q được nhận lại 1.024.000đ (một triệu không trăm hai mươi bốn nghìn đồng).

Anh Lưu Hoàng K phải chịu 5.576.000đ (năm triệu năm trăm bảy mươi sáu nghìn đồng), anh K đã nộp tạm ứng án phí 2.675.000đ (hai triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001091 ngày 22/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, đối trừ anh K còn phải nộp tiếp 2.901.000đ (hai triệu chín trăm lẻ một nghìn đồng).

- *Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:* Ông Lưu Văn P, bà Nguyễn Út L và chị Lưu Thị T không phải chịu. Chị T đã nộp tạm ứng án phí 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001195 ngày 16/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ được nhận lại. Anh Lưu Hoàng K phải chịu 1.000.000đ (một triệu đồng).

- *Án phí dân sự phúc thẩm:* Chị Đặng Ngọc Q không phải chịu, ngày 29/7/2024, chị Q có nộp tạm ứng 300.000 đồng (lai thu số 0001663) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ được nhận lại.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Cẩm Đào